**Nhóm 1: SÁCH CÁNH DIỀU**

|  |  |
| --- | --- |
| **1** | Bùi Minh Sơn – Trường THCS Tân Yên |
| **2** | Đỗ Ngọc Hạnh – Trường PTDT Nội Trú Hàm Yên |
| **3** | Hoàng Hải Vân – Trường PTDT bán trú – THCS Hồng Đức |
| **4** | Hoàng Minh Hiếu – Trường THCS Tân Loan |
| **5** | Vũ Huy Hiệu – Trường THCS Minh Quang |
| **6** | Lê Thị Chung – Trường THCS Trung Môn |

**TIẾT 9**

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Năm học 2024-2025**

**Môn: Công nghệ 9 (Sách cánh diều)**

## I. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

- Thời điểm kiểm tra: Kiểm tra giữa học kì I, khi kết thúc nội dung:

1. Ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ

2. Giáo dục kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục quốc dân

3. Thị trường lao động kĩ thuật, công nghệ tại Việt Nam

- Thời gian làm bài: 45 phút.

- Hình thức kiểm tra: Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 70% trắc nghiệm, 30% tự luận).

- Cấu trúc:

- Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.

- Phần trắc nghiệm: 7,0 điểm, gồm 28 câu hỏi (ở mức độ Nhận biết: 16 câu, Thông hiểu 12 câu)

- Phần tự luận: 3,0 điểm (Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1 điểm)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/ Chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Số tiết/đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | | | | | **Tổng số câu/ý** | | **Tổng % điểm** | **Tổng điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TN** | **TN** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |
| **1** | **Định hướng nghề nghiệp** | 1.1. Ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ | 2 | 6 | 6 |  |  |  |  | 12 | 0 | 25,00 | 3,00 |
| 1.2. Giáo dục kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục quốc dân | 3 | 4 | 2 |  | 1 |  |  | 6 | 1 | 37,50 | 3,50 |
| 1.3. Thị trường lao động kĩ thuật, công nghệ tại Việt Nam | 3 | 6 | 4 |  |  |  | 1 | 10 | 1 | 37,50 | 3,50 |
| **Tổng** | | | **8** | **16** | **12** | **0** | **1** | **0** | **1** | **28** | **2** | **100,0** | **10,00** |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **40%** | **30%** | **20%** | | **10%** | | **70%** | **30%** | **100%** |  |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **70%** | | **30%** | | | |  |  | **100%** |  |

**II. BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA**

| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị**  **kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ**  **nhận thức** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **NB** | **TH** | **VD** | **VD cao** |
| **1** | ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP | 1.1.Ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ | **Nhận biết:**   * Trình bày được khái niệm nghề nghiệp.   - Trình bày được tầm quan trọng của nghề nghiệp đối với con người và xã hội.   * Kể tên được một số ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. * Trình bày được những đặc điểm của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. * Trình bày được những yêu cầu chung của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.   **Thông hiểu:**   * Phân tích được ý nghĩa của việc lựa chọn đúng đắn nghề nghiệp của mỗi người. * Phân tích được những đặc điểm của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.   - Phân tích được những yêu cầu chung của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.  **Vận dụng:**  - Phát biểu được quan điểm cá nhân về việc lựa chọn nghề nghiệp của bản thân.  - Xác định được sự phù hợp của bản thân với ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. | **6** | **6** |  |  |
| 1.2. Giáo dục kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục quốc dân | **Nhận biết:**   * Kể tên được những thành tố chính trong hệ thống giáo dục tại Việt Nam. * Nhận ra được các thời điểm có sự phân luồng trong hệ thống giáo dục.   - Nhận ra được cơ hội lựa chọn nghề nghiệp kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục.   * Trình bày được những hướng đi liên quan tới nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ sau khi kết thúc THCS.   **Thông hiểu:**   * Mô tả được cơ cấu hệ thống giáo dục tại Việt Nam.   - Giải thích được các thời điểm có sự phân luồng trong hệ thống giáo dục.  *-* Giải thích được cơ hội lựa chọn nghề nghiệp kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục.   * Giải thích được những hướng đi liên quan tới nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ sau khi kết thúc THCS.   **Vận dụng:**  Tìm hiểu được thông tin về các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. | **4** | **2** | 1 |  |
| 1.3. Thị  trường lao động kĩ thuật, công nghệ tại  Việt Nam | **Nhận biết:**   * Trình bày được khái niệm về thị trường lao động. * Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng tới thị trường lao động.   - Trình bày được vai trò của thị trường lao động trong việc định hướng nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.   * Trình bày được các thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ.   **Thông hiểu:**  - Mô tả được những vấn đề cơ bản của thị trường lao động tại Việt Nam hiện nay.   * Phân tích được các thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ.   **Vận dụng cao:**  Tìm kiếm được các thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ. | **6** | **4** |  | **1** |
|  |  |  | **Tổng** | **16TN** | **12TN** | **1TL** | **1TL** |
|  |  |  | **Tỉ lệ %** | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** |
|  |  |  | **Tỉ lệ chung** | **70%** | | **30%** | |

**III. ĐỀ KIỂM TRA**

**A. TRẮC NGHIỆM (7 điểm): *Khoanh vào câu đúng nhất.***

**Câu 1:** Nghề nghiệp là gì?

|  |
| --- |
| A. Là các công việc không được xã hội công nhận, được xã hội công nhận và gắn bó lâu dài với mỗi người. |
| B. Là tập hợp các công việc trong một lĩnh vực hoạt động lao động, được xã hội công nhận và gắn bó lâu dài với mỗi người. |
| C. Là các hoạt động không cần đào tạo, không được xã hội công nhận và gắn bó một thời gian với mỗi người. |
| D. Tập hợp các công việc không mang lại lợi ích cho cộng đồng, chỉ phục vụ bản thân. |

**Câu 2:** Vai trò của nghề nghiệp đối với xã hội là

|  |  |
| --- | --- |
| A. cải thiện cuộc sống con người | B. chỉ đảm bảo sản xuất hàng hóa. |
| C. góp phần phát triển xã hội. | D. không có vai trò đặc biệt nào. |

**Câu 3:** Sản phẩm của ngành nghề kỹ thuật, công nghệ **không** bao gồm

|  |  |
| --- | --- |
| A. ô tô. | B. nước cam. |
| C. máy tính. | D. máy bay. |

**Câu 4:**Các ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ liên quan trực tiếp đến quá trình tạo ra sản phẩm nào dưới đây?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Quần áo. | B. Đồ uống. |
| C. Máy móc. | D. Trái cây. |

**Câu 5:** Sản phẩm của ngành nghề kĩ thuật, công nghệ có đặc điểm gì?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Liên tục đổi mới và ngày càng hiện đại. | B. Ngày càng đơn giản và ít đa dạng. |
| C. Liên tục đổi mới nhưng không đa dạng. | D. Chỉ gồm các sản phẩm cơ bản nhất. |

**Câu 6:** Các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, cômg nghệ đặt ra cho người lao động một số yêu cầu chung sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Năng lực | B. Phẩm chất | C. Năng lực, phẩm chất | D. Tính cách |

**Câu 7:** Ý nghĩa của việc lựa chọn đúng đắn nghề nghiệp đối với bản thân người lao động là

|  |  |
| --- | --- |
| A. giúp cá nhân kiếm được nhiều tiền hơn. | B. chỉ đáp ứng được sở thích cá nhân. |
| C. mang lại sự hạnh phúc và thành công trong công việc. | D. chỉ giúp cá nhân phát triển nghề nghiệp |

**Câu 8:** Việc lựa chọn đúng đắn nghề nghiệp của người lao động ảnh hưởng như thế nào đối với xã hội?

A. Mang lại nhiều lợi ích cho doanh nghiệp

B. Chỉ ảnh hưởng đến cuộc sống cá nhân và gia đình.

C. Thúc đẩy tiến bộ khoa học kỹ thuật

D. Giảm năng suất lao động và hiệu quả việc làm.

**Câu 9:**Chọn phát biểu **sai** về đặc điểm của nghề nghiệp.

|  |  |
| --- | --- |
| A. Liên tục đổi mới và hiện đại | B. Không có sự đa dạng các ngành nghề |
| C. Công cụ lao động rất da dạng | D. Ảnh hưởng đến môi trường và sức khoẻ người lao động |

**Câu 10:** Đâu là sản phẩm của ngành nghề kĩ thuật, công nghệ:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Cuốc, bóng bay. | B. Ô tô, máy bay. | C. Bóng bay, dao. | D. Bút chì, phấn. |

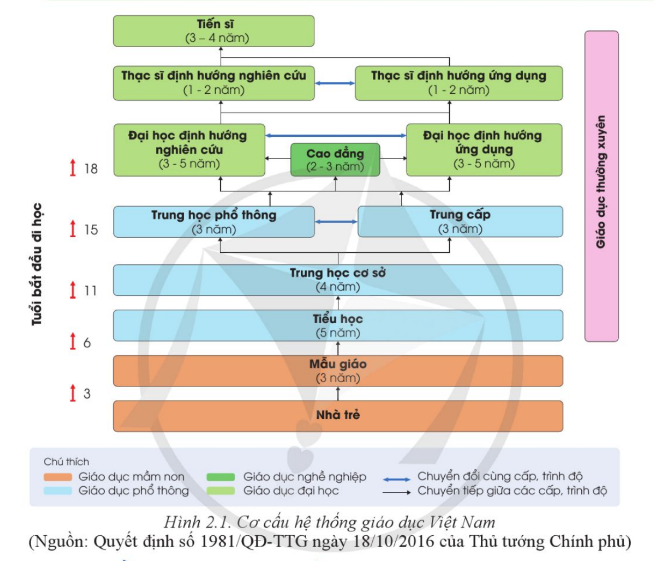
**Câu 11:** Người lao động trong ngành kỹ thuật, công nghệ cần đạt yêu cầu về phẩm chất nào dưới đây?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Chấp hành nghiêm kỉ luật lao động, trung thực. | B. Làm việc thiếu trách nhiệm. |
| C. Không tuân thủ đúng quy định. | D. Làm việc mất an toàn lao động. |

**Câu 12:** Năng lực nào dưới đây **không** phải là yêu cầu chung đối với người lao động trong ngành nghề kĩ thuật, công nghệ?

|  |
| --- |
| A. Có trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm. |
| B. Mắc các bệnh mãn tính ảnh hưởng đến quá trình làm việc. |
| C. Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm. |
| D. Vận dụng được kiến thức chuyên môn vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn. |

**Câu 13:** Quan sát Hình 2.1 và cho biết: Giáo dục phổ thông gồm các cấp học nào?



|  |  |
| --- | --- |
| A. Tiểu học | B. Trung học cơ sở |
| C. Trung học phổ thông | D. Cả 3 đáp án trên. |

**Câu 14:** Hãy nêu những thời điểm có sự phân luồng trong hệ thống giáo dục Việt Nam.

|  |  |
| --- | --- |
| A. Phân luồng sau tốt nghiệp trung học cơ sở | B. Phân luồng sau tốt nghiệp trung học phổ thông. |
| C. Cả A và B đều đúng | D. Đáp án khác |

**Câu 15:** Vì sao nói hiện nay học sinh phổ thông có nhiều cơ hội lựa chọn nghề nghiệp kĩ thuật, công nghệ?

|  |
| --- |
| A. Khoa học, kĩ thuật và công nghệ ngày càng phát triển, tác động mạnh mẽ đến sản xuất và đời sống. |
| B. Xã hội xuất hiện ngày càng nhiều nghề nghiệp ứng dụng kĩ thuật, công nghệ hiện đại. |
| C. Học sinh phổ thông có nhiều cơ hội lựa chọn nghề nghiệp kĩ thuật, công nghệ. |
| D. Cả 3 đáp án trên |

**Câu 16:** Sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở, học sinh có thể lựa chọn những hướng đi liên quan tới nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật

|  |
| --- |
| A. Học tiếp trung học phổ thông hoặc học chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp. |
| B. Ăn chơi đua đòi theo các bạn. |
| C. Không học tiếp trung học phổ thông ở nhà chơi. |
| D. Tham gia các hoạt động tệ nạn xã hội. |

**Câu 17:** Dự kiến 4 môn học lựa chọn có liên quan tới lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ trong chương trình giáo dục trung học phổ thông:

|  |  |
| --- | --- |
| A. Vật lí; Hóa học; Tin học. | B. Vật lí; Tin học; Công nghệ. |
| C. Vật lí; Hóa học; Công nghệ. | D. Vật lí; Hóa học; Tin học; Công nghệ. |

**Câu 18:** Trong cơ cấu hệ thống giáo dục Việt Nam, cơ hội lựa chọn nghề nghiệp kĩ thuật, công nghệ của người học bắt đầu có ở cấp

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. trung học cơ sở. | B. tiểu học. | C. mầm non | C. mầm non và tiểu học |

**Câu 19:** Thị trường lao động là

|  |
| --- |
| A. thị trường trao đổi hàng hoá giữa những người lao động và không lao động |
| B. thị trường trao đổi hàng hoá giữa những người lao động |
| C. thị trường trao đổi hàng hoá "sức lao động” giữa người lao động và người sử dụng lao động |
| D. thị trường trao đổi hàng hoá giữa những người sử dụng lao động |

**Câu 20:** Trong thị trường lao động, người lao động là ai ?

|  |
| --- |
| A. Là cá nhân có khả năng lao động và đã đến tuổi lao động. |
| B. Là cá nhân có nhu cầu sử dụng sức lao động. |
| C. Là tổ chức có nhu cầu sử dụng sức lao động. |
| D. Là cá nhân, tổ chức có nhu cầu sử dụng sức lao động. |

**Câu 21:** Các yếu tố ảnh hưởng tới thị trường lao động:

|  |  |
| --- | --- |
| A. sự phát triển của khoa học và công nghệ; | B. sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế |
| C. nhu cầu lao động, nguồn cung lao động. | D. Cả 3 đáp án trên |

**Câu 22:** Đâu **không** phải là vai trò của thị trường lao động trong việc định hướng nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ:

|  |
| --- |
| A. Định hướng lựa chọn ngành nghề, trình độ đào tạo phù hợp với năng lực, sở thích, điều kiện của cá nhân. |
| B. Định hướng và phát triển chương trình đào tạo các ngành nghề. |
| C. Không giúp người sử dụng lao động tuyển dụng được người lao động phù hợp. |
| D. Có cơ hội được tuyển dụng vào vị trí việc làm phù hợp năng lực, sở thích. nguyện vọng. |

**Câu 23:** Điều gì làm thị trường lao động thay đổi?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Quá trình công nghiệp hóa | B. Quá trình hiện đại hóa |
| C. Quá trình hội nhập quốc tế | D. Cả 3 đáp án trên |

**Câu 24:** Quy trình tìm hiểu các thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ có thể thực hiện qua mấy bước ?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 3 | B. 4 | C. 5 | D. 6 |

**Câu 25:** Những vấn đề cơ bản của thị trường lao động ở Việt Nam hiện nay:

|  |
| --- |
| A. Nguồn lao động đang có xu hướng cung lớn hơn cầu. |
| B. Không cần chú trọng đến việc tuyển dụng người lao động. |
| C. Chú trọng đến việc tuyển dụng người lao động được đào tạo, có kinh nghiệm. |
| D. Chất lượng lao động còn thấp, phân bổ nguồn lao động không đồng đều. |

**Câu 26:** Chất lượng nguồn lao động của Việt Nam còn hạn chế

|  |
| --- |
| A. tỉ lệ lao động đã qua đào tạo nghề còn thấp, năng lực chuyên môn chưa cao, kĩ năng hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm làm việc còn thấp…… |
| B. tỉ lệ lao động đã qua đào tạo nghề còn thấp, năng lực chuyên môn cao, chia sẻ kinh nghiệm làm việc còn thấp…… |
| C. tỉ lệ lao động đã qua đào tạo nghề còn thấp, năng lực chuyên khá cao, chia sẻ kinh nghiệm làm việc còn thấp…… |
| D. tỉ lệ lao động đã qua đào tạo nghề còn khá thấp, năng lực chuyên khá cao, chia sẻ kinh nghiệm làm việc còn thấp…… |

**Câu 27:** Xác định nguồn thông tin để tìm kiếm về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ là:

|  |
| --- |
| A. Trang web chính phủ; Truyền thông đại chúng; Trụ sở doanh nghiệp; |
| B. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học; Người thân trong gia đình, bạn bè….. |
| C. Cả A và B đều đúng. |
| D. Đáp án khác. |

**Câu 28:** Đối với việc tìm kiếm thông tin trên internet về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ là sử dụng

|  |
| --- |
| A. từ khoá liên quan đến lĩnh vực kĩ thuật để giới hạn phạm vi tìm kiếm. |
| B. từ khoá liên quan đến lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ để giới hạn phạm vi tìm kiếm. |
| C. Từ khoá liên quan đến lĩnh vực công nghệ để giới hạn phạm vi tìm kiếm. |
| D. Từ khoá nào cũng được để giới hạn phạm vi tìm kiếm |

**B. TỰ LUẬN (3 điểm):**

**Câu 1 (2 điểm):** Nêu đặc điểm công việc, cơ hội việc làm của 4 ngành nghề sau (Kiến trúc sư xây dựng; Kiến trúc sư cảnh quan, Nhà thiết kế và trang trí nội thất; Nhà thiết kế sản phẩm ) như thế nào?

**Câu 2 (1 điểm):** Đưa ra những lí do đã tạo nên triển vọng cho thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ nước ta?

**IV. ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM**

**A. TRẮC NGHIỆM (7 điểm) : Mỗi câu 0,25 điểm**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** |
| **Đáp án** | B | C | B | C | A | C | C | C | B | B |
| **Câu** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** |
| **Đáp án** | A | B | D | C | D | A | D | A | C | A |
| **Câu** | **21** | **22** | **23** | **24** | **25** | **26** | **27** | **28** |  |  |
| **Đáp án** | D | C | D | B | B | A | C | B |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| **Câu 1**  **(2đ)** | **Trả lời:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Nghề nghiệp thiết kế | Đặc điểm | Cơ hội việc làm | | Kiến trúc sư xây dựng | Thiết kế các tòa nhà thương mại, công nghiệp, viện nghiên cứu, khu dân cư, giải trí và lên kế hoạch giám sát việc xây dựng, bảo trì và khôi phục chúng. | Có thể làm tại công ty xây dựng, kiến trúc, tư vấn thiết kế và các đơn vị quản lí, quy hoạch đô thị. | | Kiến trúc sư cảnh quan | Lên kế hoạch và thiết kế cảnh quan, không gian mở cho các dự án như công viên, trường học, tổ chức, đường giao thông, không gian bên ngoài cho các khu thương mại, công nghiệp, khu dân cư; lập kế hoạch giám sát việc xây dựng, bảo trì và khôi phục chúng. | Có thể làm việc trong công ti kiến trúc, tư vấn và thiết kế, công viên cây xanh, thiết kế cảnh quan... | | Nhà thiết kế và trang trí nội thất | Lên kế hoạch và thiết kế nội thất nhà thương mại, công nghiệp, công cộng, bán lẻ và nhà ở để tạo ra một môi trường phù hợp với mục đích, có tính đến các yếu tố nâng cao môi trường sống, làm việc và xúc tiến bán hàng. | Làm trong các công ty kiến trúc, nội thất, khách sạn, nghỉ dưỡng, nhà hát, trường quay... | | Nhà thiết kế sản phẩm | Thiết kế hình thức của các sản phẩm con người thường sử dụng hàng ngày sao cho hấp dẫn, hiệu quả và kinh tế. | Làm việc trong hầu hết các công ty sản xuất, chế tạo, thời trang... | | 0,5  0,5  0,5  0,5 |
| **Câu 2**  **(1đ)** | **Trả lời:**  Những lí do đã tạo nên triển vọng của thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ ở nước ta:  - Người lao động được đào tạo về chuyên môn kĩ thuật, công nghệ đã tăng về số lượng và chất lượng dáp ứng được nhu cầu lao động trong nước và xuất khẩu lao động.  - Số lượng các khu công nghiệp, khu chế xuất được xây dựng ngày càng nhiều.  - Nhu cầu lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ ngày càng lớn.  => Tạo ra một làn sóng mới với sự ra đời của các doanh nghiệp công nghệ ở Việt Nam, thúc đẩy sự phát triển nhiều ngành nghề mới liên quan đến sự phát triển của ngành công nghệ thông tin. | 0,25  0,25  0,25  0,25 |

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

https://www.vnteach.com